

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 42/2023/HS-ST

Ngày 30 /10/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hiền; Bà La Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông tham gia phiên tòa
- Bà Trần Thị Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2023/TLST - HS ngày 10 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị H** - Sinh ngày 20 tháng 4 năm 1994, tại **huyện C, tỉnh Nghệ An**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: **K, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: **Lê Xuân N**; Họ tên mẹ: **Nguyễn Thị H1**; Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Chồng: **Quản Trọng B**, sinh năm: 1993 (hiện đang ly thân); Con: Có 01 người con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: **H huyện C, tỉnh Nghệ An** - vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Lê Xuân N** - sinh năm 1963 – vắng mặt

2. Bà **Nguyễn Thị H1** – sinh năm 1962 – vắng mặt

Đều trú tại: **K Thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An.**

- Người làm chứng:

1. Anh **La Đình C** – sinh năm 1961

2. Ông **La Đình A** – sinh năm 1948

3. Bà **Lương Thị T** – sinh năm 1963

Đều trú tại : Bản Hồng Thắng, xã Đôn Phục, huyện Con Cuông, Nghệ An

4. Anh **Vi Văn N1** – sinh năm 1973

Trú tại : **Bản H, xã Đ, huyện C, tỉnh Nghệ An**

5. Chị **Ngân Thị T1** – sinh năm 1982

6. Anh **Lữ Văn B1** – sinh năm 1979

7. Chị **Ngân Thị H2** – sinh năm 1976

8. Anh **Lương Văn K** – sinh năm 1984

9. Anh **Kha Văn C1** – sinh năm 1973

10. Chị **Vi Thị L** – sinh năm 1975

11. Anh **Vi Văn M** – sinh năm 1980

12. Chị **Lương Thị Lệ G** – sinh năm 1979

Đều trú tại: **Bản Đ, xã L, huyện C, tỉnh Nghệ An**

13. Anh **Nguyễn Doãn T2** – sinh năm 1975

Trú tại: **K Thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An**

Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2020, sau khi ly thân với chồng là anh **Quản Trọng B**, sinh năm 1993, trú tại **thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình**, bị cáo **Lê Thị H** về sinh sống với bố mẹ đẻ là ông **Lê Xuân N** và bà **Nguyễn Thị H1** tại **K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An**. Do muốn phát triển kinh tế bằng cách trồng cây keo lấy gỗ và nuôi ong lấy mật, vào tháng 9/2022, bị cáo **Lê Thị H** đến gặp và mua đất rừng sản xuất của gia đình ông **Vi Đình D**, trú tại **bản H, xã Đ, huyện C, tỉnh Nghệ An** tại lô 27, khoảnh 8, **tiểu khu G**, thửa 270, 271 tờ bản đồ số 2 **K, thuộc bản H, xã Đ, huyện C, tỉnh Nghệ An**, tổng diện tích 24,7 hecta đất rừng sản xuất với giá 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, do bị cáo **H** chưa ly hôn với chồng, sợ ảnh hưởng đến việc phân chia tài sản nên bị cáo **H** nhờ bố mẹ đẻ là ông **Lê Xuân N** và bà **Nguyễn Thị H1** đứng tên quyền sử dụng đất. Tháng 6/2023(không nhớ ngày cụ thể), bị cáo **Lê Thị H** đã thuê anh **Vi Văn N1**, ông **La Đình C** và bà **Lương Thị T**, đều trú tại **xã Đ, huyện C, tỉnh Nghệ An** cưa và chặn phát các cây rừng tại **lô B, khoảnh 8, tiểu khu G**, thửa 270,271. Sau đó, bị cáo **Lê Thị H** nhờ anh **Nguyễn Doãn T2**, trú tại **K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An** tìm thuê người chặt phát rừng, và thuê anh **T2** đưa thức ăn và ở cùng những người chặt phát rừng để đôn đốc công việc. Anh **T2** tìm thuê được chị **Ngân Thị T1**; anh **Lữ Văn B1**; anh **Kha Văn C1**; anh **Vi Văn M**; chị **Ngân Thị H2**; anh **Lương Văn K**; chị **Lương Thị Lệ G**; chị **Vi Thị L** đều cư trú

tại bản Đ, xã L, huyện C để đi chặt phát rừng thuê cho bị cáo H. Bị cáo H thỏa thuận trả công cho anh T2 và những người được thuê phát rừng mỗi ngày 200.000 đồng.

Để thực hiện việc chặt phát rừng, khoảng tháng 6 năm 2023 (không nhớ ngày cụ thể) Vi Văn N1 và La Đình C mang theo 01 (một) máy cưa cầm tay nhãn hiệu Huqvarna, màu cam của ông C và một con dao phát đến lô 27, khoảnh 8, tiểu khu G tiến hành cưa, chặt phát rừng; anh N1 cưa các cây lớn, ông C dùng dao chặt các cây khác xung quanh trong 01 buổi. Ngày hôm sau, anh T2 dẫn một số người dân ở bản Đ, xã L, huyện C mà anh T2 đã thuê đến và dùng dao chặt phát các cây gỗ nhỏ, cây nứa cùng với vợ chồng ông C. Ngày tiếp theo (ngày thứ hai), chỉ có vợ chồng ông C, chị T1, chị H2, chị L tiến hành chặt phát. Ngày thứ ba, anh N1 đến tiếp tục cưa các cây gỗ lớn, còn vợ chồng ông C, chị H2, chị L, anh K tiếp tục chặt phát. Ngày thứ tư, bà T, anh K, anh B1, anh C1, anh M, chị G tiến hành chặt phát, còn anh T2 do có việc gia đình nên phải về nhà, không đưa thức ăn và đôn đốc công việc được nữa. Do quá trình chặt phát, anh K bị thương ở mu bàn tay trái, nên phải nghỉ, không làm được nữa và trở về nhà. Ngày thứ năm anh B1, anh C1, anh M, chị G tiếp tục chặt phát. Làm hết ngày thứ năm, nhận thấy điều kiện ăn ở khó khăn và còn nhiều công việc ở nhà nên những người được bị cáo H thuê dùng công việc chặt phát rừng và được bị cáo H thanh toán tiền công. Cụ thể, anh N1 được thanh toán 1.000.000đồng, vợ chồng ông C mỗi người 840.000đồng, anh K 800.000đồng, anh T2 và những người còn lại mỗi người 1.000.000đồng.

Ngày 13/7/2023, Hạt Kiểm lâm huyện C cùng UBND xã Đ tiến hành kiểm tra rừng và phát hiện rừng sản xuất tại lô 27, khoảnh 8, tiểu khu G, thuộc khe Lầy, bản H, xã Đ, huyện C bị chặt phá nên đã tiến hành kiểm tra, xác minh.

Ngày 14/7/2023, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên bị cáo Lê Thị H đã đến cơ quan Hạt Kiểm lâm huyện C đầu thú.

Ngày 20/7/2023, Hạt Kiểm lâm huyện C chuyển toàn bộ hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Nghệ an xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 20/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Nghệ An phối hợp với các cơ quan chức năng thành lập đoàn xác định hiện trạng rừng và khám nghiệm hiện trường tại khu vực khe Lầy, bản H, xã Đ, huyện C, tỉnh Nghệ An. Đoàn đã tiến hành kiểm tra và khám nghiệm hiện trường, xác định diện tích bị chặt phá, xác định loại rừng và hiện trạng rừng, vị trí rừng bị chặt phá thuộc lô 27, khoảnh 8, tiểu khu G, thửa 270, 271 tờ bản đồ số 2 theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP Bản đồ giao đất của Chính phủ) tại khe Lầy, bản H, xã Đ, huyện C là của gia đình ông Vi Đình D trú tại bản Hồng Điện, xã Đ, huyện C, tỉnh Nghệ An quản lý.

Xác định diện tích rừng bị chặt phá là 9.141 m² (Chín nghìn một trăm bốn mươi một mét vuông). Rừng sản xuất. Trạng thái rừng: Rừng hỗn giao gỗ, tre nứa tự nhiên núi đất (HG1). Rừng tự nhiên có trữ lượng.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ 10 (mười) con dao của người dân tham gia chặt, phá rừng và 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna, màu cam, không có xích cưa và lưỡi cưa máy đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Hạt kiểm lâm huyện C, tỉnh Nghệ An không yêu cầu đền bù dân sự.

Cáo trạng số 43/ CT-VKS-CC - HS ngày 09/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Lê Thị H về tội “ Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị H mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng; tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng của vụ án và bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa và lời khai tại hồ sơ là thống nhất, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các chứng cứ, tài liệu

khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào tháng 6 năm 2023, bị cáo **Lê Thị H** đã có hành vi thuê người chặt, phá cây rừng trái phép tại lô 27, khoảnh 8, **tiểu khu G**, tờ bản đồ số 2 thuộc khe Lầy, **bản H, xã Đ, huyện C, tỉnh Nghệ An** với tổng diện tích bị chặt phá là 9.141 m² (*Chín nghìn một trăm bốn mươi một mét vuông*). Loại rừng sản xuất, trạng thái rừng: Rừng hỗn giao gỗ, tre nứa tự nhiên núi đất (HG1). Rừng tự nhiên có trữ lượng. Mục đích chặt phá rừng để trồng cây keo phát triển kinh tế gia đình.

Hành vi của bị cáo đã thực hiện vi phạm vào điểm b, khoản 1, Điều 243 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến sự bền vững và ổn định của môi trường sinh thái, gây ảnh hưởng đến trật tự, trị an trên địa bàn. Vì vậy cần phải xử phạt thật nghiêm để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội.

Nhưng xét, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi biết được hành vi thuê người chặt phá rừng là vi phạm pháp luật, bị cáo **H** đã đến Hạt kiểm lâm **huyện C** đầu thú và tích cực hợp tác trong công tác điều tra vụ án, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhận thức về quy định của pháp luật về rừng sản xuất còn hạn chế, mục đích thuê người chặt phá rừng để trồng cây keo phát triển kinh tế gia đình, nên chưa cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền, địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Đồng thời xét miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản và không có thu nhập ổn định.

[4] Trong vụ án này còn có **Nguyễn Doãn T2, Ngân Thị T1, Lữ Văn B1, Kha Văn C1, Vi Văn M, Ngân Thị H2, Lương Văn K, Lương Thị Lệ G, Vi Thị L, Vi Văn N1, La Đình C, Lương Thị T** là những người được bị cáo **Lê Thị H** thuê để chặt phá rừng. Nhưng xét thấy những người này đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, họ không biết nguồn gốc rừng mình được thuê chặt là rừng cấm, ý thức chủ quan của những người này là làm công lấy tiền, không có ý thức hủy hoại rừng.

Bên cạnh đó diện tích chặt phá rừng dưới 5000 m² nên không truy cứu trách nhiệm hình sự mà chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

Quá trình điều tra đã chứng minh được ông **Lê Xuân N** và bà **Nguyễn Thị H1** trú tại **K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An** là bố mẹ đẻ của bị cáo **Lê Thị H**, là người đứng tên quyền sử dụng đất rừng bị chặt phá, nhưng là do bị cáo **H** nhờ đứng tên làm thủ tục chuyển nhượng. Còn quá trình bị cáo **H** thuê người chặt phá rừng ông **N** và bà **H1** không biết nên ông **Lê Xuân N** và bà **Nguyễn Thị H1** không đồng phạm với bị cáo **H** về hành vi “ Hủy hoại rừng”.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự **Hạt K huyện C, tỉnh Nghệ An** không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: Cơ quan Công an huyện Con Cuông thu giữ của 10 (mười) con dao; 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna không có xích cưa và lưỡi cưa, của những người dân tham gia chặt phá rừng là vật chứng của vụ án và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Thị H** 01 (một) năm tù về tội “ Hủy hoại rừng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 30/10/2023.

Giao bị cáo **Lê Thị H** cho **Ủy ban nhân dân Thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An** nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo theo quy định tại Điều 94 của Luật thi hành án hình sự và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu, tiêu hủy 10 (mười) con dao và 01 (một) máy cưa xăng. Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/10/2023 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục thi hành án dân sự huyện Con Cuông.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Thị H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NA;
- VKSND tỉnh NA;
- VKSND huyện Con Cuông;
- CA huyện Con Cuông;
- Chi cục THADS huyện Con Cuông;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ -VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lữ Thị Dung